

Đơn vị: Sở Giao thông vận tải tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn vị SDNS: 1014320

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THEO HỢP ĐỒNG

Tháng 09 năm 2022

STT	Mã số CBCC, viên chức	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ	Tiền lương, tiền công	Tổng cộng tiền lương và BHXH phải trả	Các khoản trừ vào lương					Cộng	Ứng hộ Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" năm 2022	Tổng tiền lương còn được nhận
						BHXH 8%	BHYT 1,5%	BHTN 1%	Tổng trừ bảo hiểm	CD phí 1%			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8=6+7	9	10=2-8-9
1	01.005	Nguyễn Đình Phương	Lái xe	5.856.400	5.856.400	468.512	87.846	58.564	614.922	58.564	673.486	50.000	5.132.914
2	01.005	Trần Xuân Hiệp	Lái xe	7.086.244	7.086.244	566.900	106.294	70.862	744.056	70.862	814.918	50.000	6.221.326
3	01.005	Đỗ Thị Ngân	Tập vụ	4.000.000	4.000.000	320.000	60.000	40.000	420.000	40.000	460.000	50.000	3.490.000
4	01.005	Vũ Văn Kiệt	Lái tàu	5.856.400	5.856.400	468.512	87.846	58.564	614.922	58.564	673.486	50.000	5.132.914
5	01.005	Nguyễn Trọng Thu	Lái xe	6.442.040	6.442.040	515.363	96.631	64.420	676.414	64.420	740.835	50.000	5.651.205
6	01.005	Nguyễn Đình Sơn	Bảo vệ	4.840.000	4.840.000	387.200	72.600	48.400	508.200	48.400	556.600	50.000	4.233.400
7	01.005	Nguyễn Thị Kim Dung	Tập vụ	4.400.000	4.400.000	352.000	66.000	44.000	462.000	44.000	506.000	50.000	3.844.000
8	01.005	Nguyễn Thanh Hà	Lái tàu	5.324.000	5.324.000	425.920	79.860	53.240	559.020	53.240	612.260	50.000	4.661.740
9	01.005	Nguyễn Long Vũ	Lái xe	5.856.400	5.856.400	468.512	87.846	58.564	614.922	58.564	673.486	50.000	5.132.914
10	01.005	Lê Đức Khánh	Lái xe	5.856.400	5.856.400	468.512	87.846	58.564	614.922	58.564	673.486	50.000	5.132.914
11	01.005	Nguyễn Văn Minh	Lái xe	5.856.400	5.856.400	468.512	87.846	58.564	614.922	58.564	673.486	50.000	5.132.914
12	01.005	Nguyễn An Khương	Lái xe	5.324.000	5.324.000	425.920	79.860	53.240	559.020	53.240	612.260	50.000	4.661.740
13	01.005	Tạ Thanh Hào	Lái xe	5.324.000	5.324.000	425.920	79.860	53.240	559.020	53.240	612.260	50.000	4.661.740
14	01.005	Cao Uy Vũ	Lái xe	5.856.400	5.856.400	468.512	87.846	58.564	614.922	58.564	673.486	50.000	5.132.914
15	01.005	Trần Nhân Sư	Bảo vệ	4.400.000	4.400.000	352.000	66.000	44.000	462.000	44.000	506.000	50.000	3.844.000
16	01.005	Võ Kỳ Văn	Lái xe	4.840.000	4.840.000	387.200	72.600	48.400	508.200	48.400	556.600	50.000	4.233.400
17	01.005	Nguyễn Quốc Dũng	Lái xe	5.324.000	5.324.000	425.920	79.860	53.240	559.020	53.240	612.260	50.000	4.661.740
18	01.005	Nguyễn Tiến Đạt	Kỹ thuật viên	4.280.000	4.280.000	342.400	64.200	42.800	449.400	42.800	492.200	50.000	3.737.800
19	01.005	Lê Văn Huân	Lái xe	9.175.650	9.175.650	734.052	137.635	91.757	963.443	91.757	1.055.200	50.000	8.070.450
20	01.005	Đoàn Bá Chung	bảo vệ	4.000.000	4.000.000	320.000	60.000	40.000	420.000	40.000	460.000	50.000	3.490.000
TỔNG CỘNG				109.898.334	109.898.334	8.791.867	1.648.475	1.098.983	11.539.325	1.098.983	12.638.309	1.000.000	96.260.025

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 09 năm 2022



Trần Thượng Chí